

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 441/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 25 – 9 – 2017

V/v “tranh chấp thay đổi người trực
tiếp nuôi con sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông N Văn Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hùng.

2. Ông Trần Văn Bé Hai.

- Thư ký phiên tòa: Bà N Thị Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 171/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2017 về việc tranh chấp “*thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 116/2017/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **N Thị Thúy H**, sinh năm 1983 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp A, xã N, huyện P, tỉnh Q.

- Bị đơn: Anh **Lê Hữu L**, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp P, xã M, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 17/4/2017 và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị N Thị Thúy H trình bày:

Ngày 27/10/2015 chị H và anh Lê Hữu L thuận tình ly hôn theo quyết định số 315/2015/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình. Chị H và anh L tự nguyện thỏa thuận như sau: Giao con chung là cháu Lê N, sinh ngày 12/5/2009 cho anh Lê Hữu L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Hữu L không yêu cầu chị N Thị Thúy H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết. Anh Lê Hữu L và các

thành viên gia đình anh L không được quyền cản trở chị H trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu Lê N.

Từ khi ly hôn đến nay, anh L thường xuyên vắng nhà, không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chăm lo việc học tập, giáo dục để cháu Lê N phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo, công dân có ích cho xã hội mà giao cháu Lê N cho bà nội là Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L không thực hiện đúng nghĩa vụ và quyền của người cha.

Tại bản tự khai ngày 18/9/2017 của cháu Lê N trình bày: cháu có nguyện vọng được sống chung với chị H.

Nay chị H yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Chị H yêu cầu được nuôi con chung là cháu Lê N, sinh ngày 12/5/2009 và yêu cầu anh Lê Hữu L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 650.000 đồng.

- Bị đơn là anh Lê Hữu L: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 196, 208 của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh L không có ý kiến gì bằng văn bản và vắng mặt đến lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do vậy, Tòa án căn cứ vào điểm d khoản 3 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

+ Nguyên đơn là chị H đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án bao gồm: Đơn khởi kiện của chị H, ghi ngày 17/4/2017; bản tự khai của cháu Lê N, ghi ngày 18/4/2017; bản sao giấy chứng minh nhân dân của chị H; bản sao sổ hộ khẩu gia đình chủ hộ N Mai Hồng; bản sao giấy khai sinh của Lê N; đơn yêu cầu xác nhận đương sự hiện đang có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang có mặt tại địa phương đối với anh L, ghi ngày 18/4/2017; đơn yêu cầu xác nhận địa chỉ đối với bà H; đơn xin xác nhận cháu Lê N đang sống với bà H ngày 13/4/2017; 01 quyết định số 315/2015/QĐST-HNGĐ ngày 27/10/2015; 01 giấy dịch vụ chuyển phát nhanh.

+ Bị đơn là anh L không có giao nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

- Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Chị H trình bày chị và anh L có một người con chung tên Lê N, sinh ngày 12/5/2009. Theo giấy khai sinh của cháu Lê N (bản sao, có xác nhận của chính quyền địa phương) do chị H giao nộp cho Tòa án thì xác định chị H và anh L là cha, mẹ ruột của cháu Lê N nên tình tiết, sự kiện này đương sự không cần phải chứng minh.

- Các tình tiết, sự kiện mà các bên đương sự thống nhất, không thống nhất:

Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải cho anh L nhưng anh L không có ý kiến gì bằng văn bản và qua hai lần tổng đạt thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải thì anh L cũng không tham dự nên không xác định được sự thống nhất và không thống nhất của các đương sự trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện chị H yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 3 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh L có nơi cư trú tại huyện Tam Bình, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2]. *Về trình tự, thủ tục tố tụng:* Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ; các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia kiểm sát việc tuân thủ theo pháp luật tại phiên tòa, theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho bị đơn là anh L. Nhưng anh L đã vắng mặt cả hai lần không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh L.

[2]. *Về nội dung vụ án:*

Xét yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị H là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, tại đơn yêu cầu xác nhận địa chỉ, đơn yêu cầu xác nhận đương sự hiện đang có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang có mặt tại địa phương và đơn xin xác nhận ngày 13/4/2017 của chị H thì anh L không có mặt tại địa phương, kể từ sau khi ly hôn đến nay anh L giao cháu Lê N, sinh ngày 12/5/2009 cho mẹ ruột là bà Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, còn chị H cho thuê áo cưới, có thu nhập ổn định. Đồng thời, tại bản khai ngày 18/4/2017 của cháu Lê N có nguyện vọng muốn sống chung với chị H. Mặt khác, cháu Lê N mới 08 tuổi, cần phải có sự trông nom, chăm sóc trực tiếp thường xuyên của cha hoặc mẹ. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu Lê N nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 71, 72, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Lê N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 650.000 đồng cho đến khi cháu Lê N đủ 18 tuổi.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình: Chị H và anh L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 2, Điều 69, khoản 1 Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 và khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị N Thị Thúy H.

Giao con chung tên là Lê N, sinh ngày 12/5/2009 cho chị N Thị Thúy H được trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Lê Hữu L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 650.000^d (Sáu trăm năm mươi ngàn đồng) cho đến khi cháu Lê N đủ 18 tuổi. Anh Lê Hữu L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình:

Chị N Thị Thúy H phải chịu số tiền 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số N_o 0007879 ngày 18 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình nên chị N Thị Thúy H không phải nộp thêm.

Án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Lê Hữu L phải chịu tiền 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Án xử công khai, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Cảnh